

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày 01-12-2022
V/v: Ly hôn giữa chị L và anh P.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Quàng Văn Mãng.

2 – Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Ông Ông Lương Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2022 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị VTL, sinh 1978, trú tại: Bản NT, xã PT, huyện ML, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh LVP, sinh 1975, trú tại: Bản NT, xã PT, huyện ML, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng chính sách, xã hội huyện ML, tỉnh Sơn La.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông ĐTD – Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị VTL trình bày:

Chị và anh LVP kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 26/12/1994 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn IO, huyện ML, tỉnh Sơn La. Cuộc sống

chung hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh LVP hay sử dụng rượu, chửi bới xúc phạm vợ con. Nay hai người sống không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị VTL xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh LVP.

Về con chung: Có ba con là LVM, sinh ngày 12/02/1996, LVT, sinh ngày 01/01/1998 và LVN, sinh ngày 19/5/2005. Hiện nay hai cháu đã lớn có cuộc sống riêng, còn con út LVN chị đang nuôi, nguyện vọng xin được nuôi con LVN và không yêu cầu anh LVP cấp dưỡng.

Về tài sản chung, riêng: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung:

Hiện đang nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện ML số tiền gốc là 33.000.000, đồng. Chị là người đứng ra trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Anh LVP có trách nhiệm trả lại cho chị 16.500.000, đồng.

Bị đơn anh LVP trình bày tại biên bản thỏa thuận và hòa giải cơ sở: Anh xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị VTL và anh LVP. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị VTL. Công nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được và nhất trí ly hôn.

Về con chung: Có ba con là LVM, sinh ngày 12/02/1996, LVT, sinh ngày 01/01/1998 và LVN, sinh ngày 19/5/2005. Hiện nay hai cháu đã lớn có cuộc sống riêng, còn con út ở với ai cũng được.

Về tài sản chung, riêng: Điều không yêu cầu giải quyết.

Hiện đang nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện ML số tiền gốc là 33.000.000, đồng. Anh nhất trí mỗi người trả một nửa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách, xã hội huyện ML, tỉnh Sơn La trình bày:

Căn cứ sổ vay vốn mã khách hàng 1600080816, ngày 16/12/2017 Ngân hàng cho gia đình chị VTL và anh LVP vay theo chương trình hộ nghèo, số tiền gốc vay là 25.000.000, đồng và ngày 16/10/2020 số tiền gốc vay là 8.000.000, đồng. Tính đến nay đang thanh toán. Nay hai người ly hôn Ngân hàng yêu cầu chị VTL là người có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc là 33.000.000, đồng và lãi phát sinh.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tổ tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ Điều 37, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Có căn cứ để xử cho chị VTL được ly hôn anh LVP.

Về con chung: Giao cho chị VTL trực tiếp nuôi con LVN, sinh ngày 19/5/2005. Anh LVP không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị VTL có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh Sơn La khoản vay theo chương trình hộ nghèo số tiền gốc là 33.000.000, đồng và lãi phát sinh. Anh LVP có trách nhiệm trả cho chị VTL $\frac{1}{2}$ khoản nợ là 16.500.000, đồng.

Chị VTL phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh LVP sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã khai trình bày nguyện vọng tại biên bản thỏa thuận và hòa giải cơ sở, anh LVP đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã PT, huyện ML, tỉnh Sơn La và đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt LVP.

Nguyên đơn chị VTL, Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML có đơn đề nghị xử vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ theo quy định Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị VTL và anh LVP có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh LVP hay sử dụng rượu, chửi bới xúc phạm vợ con. Hai người sống ly thân từ năm 2021 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị VTL và anh LVP đã được gia đình và chính quyền khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị VTL yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị VTL được ly hôn anh LVP.

[3] Về con chung: Có ba con là LVM, sinh ngày 12/02/1996 và LVT, sinh ngày 01/01/1998. Hiện nay hai cháu đã lớn có cuộc sống riêng. Còn LVN, sinh ngày 19/5/2005. Hiện nay đang ở với chị VTL, nguyện vọng chị VTL xin được nuôi con và không yêu cầu anh LVP cấp dưỡng. Căn cứ vào nguyện vọng của cháu cần giao cho chị VTL là người trực tiếp nuôi con LVN. Anh LVP không

phải cấp dưỡng nuôi con, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, riêng: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Khoản nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML được xác định là khoản vay nợ về xây dựng gia đình nằm trong chương trình hỗ trợ hộ nghèo. Hiện xác định chị VTL nhất trí thanh toán trả nợ, đồng thời đại diện Ngân hàng cũng có yêu cầu chị VTL là người có trách nhiệm trả nợ gốc là 33.000.000, đồng và lãi phát sinh. Theo quy định Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình số nợ được phân chia trách nhiệm trả nợ là có căn cứ chấp nhận như sau:

Chị VTL có trách nhiệm trả nợ cho:

Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML số tiền vay gốc là 33.000.000, đồng và lãi phát sinh.

Anh LVP thanh toán trả cho chị VTL số tiền chênh lệch nợ Ngân hàng $\frac{1}{2}$ là 16.500.000, đồng.

Chị VTL chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật..

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 37, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị VTL được ly hôn anh LVP.

2. Về con chung: Giao cho chị VTL trực tiếp nuôi con LVN, sinh ngày 19/5/2005. Anh LVP không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, riêng: Điều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung:

Chị VTL có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh Sơn La: Khoản vay ngày 16/12/2017 số tiền vay gốc 25.000.000, đồng (hai mươi năm triệu đồng) và lãi phát sinh và khoản vay ngày 16/10/2020 số tiền

vay gốc 8.000.000, đồng (tám triệu đồng) và lãi phát sinh. Theo sổ vay vốn mã khách hàng 1600080816.

Anh LVP có trách nhiệm thanh toán trả cho chị **VTL** số tiền chênh lệch nợ Ngân hàng $\frac{1}{2}$ là 16.500.000, đồng (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

5. Về án phí: Chị VTL phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001950 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh Sơn La.

Chị VTL, anh LVP, Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND thị trấn IO, huyện ML (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (3);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

NGUYỄN MINH TUÂN